

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nạo vét, khơi thông dòng chảy sông Lại Giang và xử lý lượng đất phù sa sau khi nạo vét để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.
Hạng mục: Đoạn từ cầu Bồng Sơn cũ đến cầu Bồng Sơn mới của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nạo vét, khơi thông dòng chảy sông Lại Giang và xử lý lượng đất phù sa sau khi nạo vét để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn. Hạng mục: Đoạn từ cầu Bồng Sơn cũ đến cầu Bồng Sơn mới của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 07/8/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nạo vét, khơi thông dòng chảy sông Lại Giang và xử lý lượng đất phù sa sau khi nạo vét để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn. Hạng mục: Đoạn từ cầu Bồng Sơn cũ đến cầu Bồng Sơn mới đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 19/VB-TH ngày 24/9/2020 của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 889/TTr-STNMT ngày 05/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Nạo vét, khơi thông dòng chảy sông Lại Giang và xử lý lượng đất phù sa sau khi nạo vét để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn. Hạng mục: Đoạn từ cầu Bồng Sơn cũ đến cầu Bồng Sơn mới (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương thực hiện tại bãi bồi sông Lại Giang thuộc phường Bồng Sơn và phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND phường Bồng Sơn và UBND phường Hoài Đức theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Giao UBND thị xã Hoài Nhơn hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của đơn vị thi công trong quá trình hoạt động nạo vét và vận chuyển cát từ dự án đến các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Bồng Sơn;
- UBND phường Hoài Đức;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN NẠO VÉT, KHƠI THÔNG DÒNG CHẢY SÔNG LAI GIANG
VÀ XỬ LÝ LƯỢNG ĐẤT PHÙ SA SAU KHI NẠO VÉT ĐỂ PHỤC VỤ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HOÀI NHƠN
HẠNG MỤC: ĐOẠN TỪ CẦU BÔNG SƠN CŨ
ĐẾN CẦU BÔNG SƠN MỚI

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nạo vét, khơi thông dòng chảy sông Lai Giang và xử lý lượng đất phù sa sau khi nạo vét để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn. Hạng mục: Đoạn từ cầu Bông Sơn cũ đến cầu Bông Sơn mới.

1.2. Chủ đầu tư: UBND thị xã Hoài Nhơn.

1.3. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương.

1.4. Địa chỉ liên hệ: An Dinh 2, phường Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3861079.

1.5. Quy mô, công suất nạo vét

- Tổng chiều dài nạo vét: 1.098 m; tổng diện tích dự án: 17,07 ha.

- Tuổi thọ mỏ: 02 năm; thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Khối lượng nạo vét: 272.457 m³ đất cát nguyên khai; chiều sâu nạo vét trung bình: +1,3m.

1.6. Phương pháp nạo vét: bắt đầu mở vĩa nạo vét từ phía Tây Nam dự án, nạo vét theo lớp bằng từ thượng lưu về hạ lưu, song song với hướng dòng chảy của sông. Sử dụng máy đào để nạo vét cát và đưa lên ô tô 10 tấn để vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.7. Hạng mục, công trình của dự án

- Xây dựng lán trại tạm; bãi tập kết cát (có lắp đặt trạm cân, camera để giám sát theo quy định).

- Tuyến đường tạm ngoài mỏ: đắp tuyến đường đất nối từ đoạn bờ kè phía Bắc dự án đến ranh giới mỏ có tổng chiều dài khoảng 155m.

- Tuyến đường tạm trong mỏ: có tổng chiều dài 4.350m.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn nạo vét

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: bụi, ồn phát sinh trong quá trình vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; sự cố sạt lở bờ trong quá trình nạo vét.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

Nước thải sinh hoạt: khoảng $1,28 \text{ m}^3/\text{ngày}/16$ công nhân, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình nạo vét và vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng $5 \div 10 \text{ kg}/\text{ngày}$, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi, phát sinh ruồi, muỗi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án khoảng $5 \text{ kg}/\text{năm}$.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

Sử dụng nhà vệ sinh di động, dung tích ngăn chứa chất thải là 400 lít; khi bể đầy, Công ty thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện quét dọn cát vương vãi mỗi ngày, phun nước với tần suất 2 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Trang bị 01 thùng đựng rác sinh hoạt 660 lít đặt tại khu vực dự án và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương, tiến hành thu gom rác thải định kỳ và đưa đi xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực nạo vét				
1.	San gạt mặt bằng khu vực nạo vét.	13.623 m ³	Kết thúc nạo vét không tạo hố sâu cục bộ, đáy khai trường ít lồi lõm, tương đối bằng phẳng.	Triển khai và hoàn thành trước ngày 31/8 hàng năm.
2.	Tháo dỡ đường giao thông công vụ.	10.875 m ³	Không gây ảnh hưởng đến dòng chảy vào mùa mưa.	
3.	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực dự án	6 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình nạo vét.	Hoàn thành trước khi thực hiện nạo vét.
4.	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc cải tạo, phục hồi môi trường (gồm đo vẽ mặt cắt ngang sông)	Thượng lưu, hạ lưu và khu vực mở	- Giám sát chiều sâu khu vực nạo vét và đánh giá sạt lở bờ sông. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	Sau khi kết thúc nạo vét hàng năm.
II Khu vực ngoài dự án				
1.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh	40 m ²	Trả lại mặt bằng hiện trạng.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc Dự án.
2.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư gần Dự án.	1.200 m	Giảm thiểu bụi, cát bay.	Thường xuyên.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **389.268.000 đồng** (Bằng chữ: *Ba trăm tám mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 97.317.0000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: 291.951.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện nạo vét đúng quy trình, đúng độ sâu cho phép, đảm bảo khoảng cách từ ranh giới dự án đến bờ ít nhất 50 m và cách công trình cầu vượt sông 300 m.

- Trong quá trình nạo vét, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Thực hiện giám sát sự cố sạt lở 2 bên bờ; đo đạc, giám sát chiều sâu khu vực nạo vét.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát chất lượng nước mặt tại hạ lưu khu vực dự án với các thông số: pH, TSS, DO, Tổng dầu mỡ, BOD₅, COD, Coliform; so sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển đoạn đi qua khu dân cư gần dự án; thông số giám sát: bụi lơ lửng (TSP), so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.4. Hàng năm trước 31/12 thực hiện đo đạc, giám sát độ sâu khu vực nạo vét báo cáo báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

5.5. Giám sát sự cố sạt lở 02 bên bờ: định kỳ 06 tháng/lần, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Hoài Nhơn, UBND phường Bồng Sơn và UBND phường Hoài Đức.